TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 11-01-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Danh Tuấn
Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Thanh T - sinh năm: 1987. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp Vĩnh P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn*: Chị Khưu Huỳnh L - sinh năm: 1986. Vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Huỳnh Thanh T trình bày: Vào ngày 25/4/2017, anh có cho chị Khưu Huỳnh L vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, mục đích để chị L trả nợ cho những người khác, thời hạn vay là 02

năm, chị L có ký tên vào biên nhận nợ. Anh và chị L có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 05%/01 tháng, trả lãi hàng tháng bằng phương thức trừ lương trực tiếp, chị L có trả cho anh tiền lãi tháng 5 và tháng 6 năm 2017 được 3.000.000 đồng. Sau đó thấy chị L hoàn cảnh khó khăn quá, nuôi con nhỏ nên anh thỏa thuận lại với chị L chỉ lấy tiền lãi 500.000 đồng/01tháng, khi nào chị L trả hết nợ vay của Ngân hàng sẽ làm hồ sơ vay lại trả gốc và lãi cho anh. Sau đó chị L có vay tiền lại nhưng không trả nợ như cam kết. Đến khi chị L thôi việc, được lãnh tiền bảo hiểm thất nghiệp thì Nhà Trường có chia khoản tiền của chị L để trả nợ cho nhiều giáo viên dạy chung trường. Lãnh đạo Trường có trao đổi và chị L cũng thống nhất nên anh được nhận số tiền là 3.000.000 đồng. Đến tháng 11/2021 anh có tạo điều kiện cho chị L trả góp, chị L có trả được 3.500.000 đồng. Sau đó không trả nữa.

Tại phiên tòa, anh T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ lãi. Anh T yêu cầu chị L phải trả nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, thời hạn đưa ra xét xử còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm. Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng xét thấy quá trình giải quyết vụ án chị L đã được cấp tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng chị không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, theo biên nhận nợ và kết quả xác minh có cơ sở xác định chị L nợ anh T 30.000.000 đồng là sự thật. Xét thấy chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó anh T khởi kiện yêu cầu chị L phải trả nợ là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc chị L phải trả cho anh T số tiền vay gốc 30.000.000 đồng. Anh T tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Đối với các phần tiền chị L đã trả theo lời trình bày của anh T, anh T xác định là nợ lãi, chị L không trình bày ý kiến và không có yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. về án phí, buộc chị L phải chịu án phí dân sự giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh T khởi kiện yêu cầu chị L phải trả số tiền vay còn thiếu nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị L.

[2]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu chị L phải trả số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng theo "BIÊN NHẬN MƯỢN TIỀN" ngày 25/4/2017. Theo kết quả xác minh bà Huỳnh Ngọc G (là mẹ ruột của chị L), bà G xác định có sự việc chị L vay của anh Thì số tiền gốc là 30.000.000 đồng, biên nhận nợ anh T cung cấp đúng là chữ ký của chị L, bà G yêu cầu anh Thì giảm bớt nợ lãi và yêu cầu cho chị L trả dần do hiện nay hoàn cảnh chị L rất khó khăn nên có căn cứ xác định chị L vay anh T số tiền gốc 30.000.000 đồng là sự thật, chị L không có ý kiến phản đối với tài liệu anh T đã cung cấp nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 24 tháng nên đây là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, anh T đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu chị L trả nợ nhưng chị L vẫn không thực hiện. Do đó, anh T khởi kiện yêu cầu chị L phải trả nợ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, anh T xác định các khoản tiền chị L đã trả cho anh là 11.500.000 đồng là tiền lãi hai bên đã tự nguyện thỏa thuận và thực hiện xong. Anh T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ lãi tiếp theo, xét thấy yêu cầu của anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi.

Chị L không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến và không có yêu cầu phản tố với phần nợ lãi đã thanh toán cho anh T nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Từ những phân tích trên, áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc chị Khưu Huỳnh L phải trả cho anh Huỳnh Thanh T số tiền vay gốc 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, nếu chị L không trả đủ tiền thì anh chị còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4].Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Yêu cầu khởi kiện của anh T được Tòa án chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh T là 1.237.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0008310 ngày 06/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Chị L phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả, cụ thể là: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 466, khoản 2 Điều 470, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh T đối với anh chị Khưu Huỳnh L.

2. Buộc chị Khưu Huỳnh L phải trả cho anh Huỳnh Thanh T số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, nếu chị L không trả đủ tiền thì anh chị còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ lãi của anh Huỳnh Thanh T đối với chị Khưu Huỳnh L.

4. Về án phí:

Hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.237.500 đồng *(Một triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)* theo biên lai thu tiền số 0008310 ngày 06/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

- Chị L phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả, cụ thể là: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng *(Một triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, anh T được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 11/01/2023. Chị L được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An